

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-ST

Ngày 19 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số H, đường T, Khóm H, phường P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978 “có mặt”.

Địa chỉ: số F, đường L, Khóm E, phường P, thành phố Cần Thơ.

Là người đại diện theo ủy quyền “văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 4 năm 2025”.

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Khóm B, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: vào năm 2021 bà Trần Thị D có cho ông Nguyễn

Văn C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 20/01/2022 ông C sẽ trả tiền vay gốc cho bà D. Khi hợp đồng ông C có làm tờ biên nhận giao cho bà D. Sau khi vay ông C có trả tiền lãi, khi đến hạn trả tiền vay gốc thì ông C không hoàn trả tiền gốc cho bà D theo hợp đồng. Đến ngày 27/8/2022, ông C có trả tiền gốc cho bà D số tiền 796.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 204.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông C không hoàn trả thêm số tiền gốc và lãi nào cho bà D.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc là 204.000.000 đồng và tiền lãi là 57.800.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: vào năm 2021 ông C có hợp đồng vay của bà Trần Thị D số tiền 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 20/01/2022 ông C sẽ trả tiền vay gốc cho bà D. Khi hợp đồng ông C có làm tờ biên nhận giao cho bà D. Sau khi vay ông C có trả tiền lãi, khi đến hạn trả tiền vay gốc thì ông C không hoàn trả tiền gốc cho bà D theo hợp đồng. Đến ngày 27/8/2022, ông C có trả tiền gốc cho bà D số tiền 796.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 204.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông C chưa hoàn trả thêm số tiền gốc và lãi nào cho bà D.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C thống nhất hoàn trả cho bà D số tiền vay gốc là 204.000.000 đồng và tiền lãi là 57.800.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng. Ông Nguyễn Văn C yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tại phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc là 204.000.000 đồng và tiền lãi là 57.800.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng; tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C thống nhất hoàn trả cho bà D số tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông C có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện 26 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn bà Trần Thị D thì bà D kiện ông Nguyễn Văn C là bị đơn cư trú tại Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khóm B, phường V, thành phố Cần Thơ), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền bị đơn đã vay của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn ông Nguyễn Văn C cùng trình bày: vào năm 2021 bà Trần Thị D có cho ông Nguyễn Văn C vay số tiền 1.000.000.000 đồng, với lãi suất 4%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 20/01/2022 ông C sẽ trả tiền vay gốc cho bà D. Khi hợp đồng ông C có làm tờ biên nhận giao cho bà D. Sau khi vay ông C có trả tiền lãi, khi đến hạn trả tiền vay gốc thì ông C không hoàn trả tiền gốc cho bà D theo hợp đồng. Đến ngày 27/8/2022, ông C có trả tiền gốc cho bà D số tiền 796.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc 204.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông C không hoàn trả thêm số tiền gốc và lãi nào cho bà D.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: mặc dù hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn C không lập thành văn bản, nhưng bà D và ông C cùng thừa nhận có hợp đồng vay tài sản với nhau. Tại thời điểm các bên thực hiện hợp đồng vay tài sản bà D và ông C là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng vay tài sản có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Xét về lỗi: ông Nguyễn Văn C thực hiện không đúng nghĩa vụ của bên vay theo giao kết của hợp đồng vay tài sản, vì vậy ông C là bên có lỗi và đã vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét về yêu cầu trả số tiền vay gốc trong hợp đồng vay tài sản là 204.000.000 đồng của bà Trần Thị D:

Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn C có hợp đồng vay tài sản với nhau. Bà D đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay, nhưng ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay, không hoàn trả tiền vay cho bà D theo hợp đồng. Ông C thừa nhận còn nợ bà D số tiền vay gốc là 204.000.000 đồng, nên đây là tình tiết bà D không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay, nên bà D yêu cầu ông C thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 204.000.000 đồng cho bà D là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 351, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, xử buộc ông C có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền 204.000.000 đồng.

[2.5] Xét về yêu cầu trả số tiền lãi 57.800.000 đồng trong hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị D:

Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn C cùng trình bày: khi giao kết hợp đồng vay tài sản thì bà D và ông C có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà D chỉ yêu cầu ông C trả tiền lãi theo lãi suất 20%/năm với số tiền 57.800.000 đồng là có lợi cho ông C và phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi 57.800.000 đồng của bà D, xử buộc ông C có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền lãi 57.800.000 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc 204.000.000 đồng và tiền lãi 57.800.000 đồng, tổng số tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến của ông Nguyễn Văn C xin trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T không thống nhất theo ý kiến của ông C, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D, buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho bà D số tiền gốc và lãi là 261.800.000 đồng. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.090.000 đồng; bà Trần Thị D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng phí đã nộp là 6.545.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006433 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8).

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 398, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền vay gốc và lãi là 261.800.000 đồng (*hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn C không thực hiện việc trả nợ thì ông C còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn C phải nộp số tiền 13.090.000 đồng (*mười ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà D số tiền tạm ứng phí đã nộp là 6.545.000 đồng (*sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006433 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (khu vực 8).

3. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo